

UBND TỈNH QUẢNG NINH
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1861/SNV-TCBC, TCPCP

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 9 năm 2021

V/v báo cáo kế hoạch tinh giản biên chế, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách năm 2022 và giai đoạn 2022-2025 gắn với nâng cao năng lực tự chủ của các ĐVSN công lập

Kính gửi:


- Các sở, ban, ngành;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Văn bản số 360-TB/TU ngày 20/9/2021 của Tỉnh ủy thông báo ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại hội nghị giao ban ngày 13/9/2021; Công văn số 6319/UBND-GD ngày 10/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Để triển khai xây dựng *Kế hoạch tinh giản biên chế, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách năm 2022 và giai đoạn 2022-2025 gắn với nâng cao năng lực tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập* theo chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy và Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Nội vụ đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương:

(1) Xây dựng *Kế hoạch tinh giản biên chế, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách năm 2022 và giai đoạn 2022-2025 gắn với nâng cao năng lực tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập (theo Đề cương và các biểu mẫu đăng trên cổng thông tin của Sở Nội vụ)*;

(2) Thời hạn gửi báo cáo về Sở Nội vụ: **trước ngày 05/10/2021** để Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân.

Sở Nội vụ đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp, triển khai thực hiện. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, TCBC, TCPCP. 

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Tuấn Anh



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Kế hoạch tinh giản biên chế, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách năm 2022 và giai đoạn 2022-2025 gắn với nâng cao năng lực tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập

(Kèm theo Công văn số 1861/SNV-TCBC, TCPCP ngày 28/9/2021 của Sở Nội vụ)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2015-2021

1. Về tổ chức bộ máy

1.1. Khối GD-ĐT

a) Năm học 2015-2016

Stt	Cấp học	Trường	Điểm trường	Lớp	Học sinh	Ghi chú
1	Mầm non					
2	Tiểu học					
3	THCS					
4	THPT					
	Cộng					

b) Năm học 2021-2022

Stt	Cấp học	Trường	Điểm trường	Lớp	Học sinh	Ghi chú
1	Mầm non					
2	Tiểu học					
3	THCS					
4	THPT					
	Cộng					

c) Số học sinh

- Số trung bình các cấp học/lớp học: Mầm non..., TH ..., THCS và THPT....

- Số cao nhất và thấp nhất/lớp học: Mầm non..., TH và THCS và THPT....

- Nguyên nhân số cao hoặc thấp hơn định mức:

+ Do vị trí địa lý, đặc điểm dân cư, ...

+ Do tình hình phát triển kinh tế xã hội, ...

+ Khác



1.2. Khối sự nghiệp khác

Tổng số lượng ĐVSN trực thuộc tính đến 30/9/2021:

Tổng số.....đơn vị:

- ĐVSN tự chủ 1 phần:.....(số lượng, tên đơn vị, mức tự chủ?)
- ĐVSN tự chủ 100%:..... (số lượng, tên đơn vị),
- ĐVSN ngân sách cấp hoàn toàn:..... (thống kê tên các đơn vị không thuộc khối GD-ĐT).

2. Về số lượng người làm việc

2.1. Khối GD-ĐT

Stt	Nội dung	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	GDNN & GDTX
1	Năm học 2015-2016					
2	Năm học 2021-2022					

2.2. Khối các ĐVSN công lập khác

* Tổng số lượng NLV năm 2015:

- Thuộc ĐVSN chưa tự chủ: ..
- Thuộc ĐVSN đã tự chủ 100%:

* Tổng số lượng NLV năm 2021:

- Thuộc ĐVSN chưa tự chủ:
- Thuộc ĐVSN đã tự chủ 100%:

2.3. Số có mặt (tính đến 30/9/2021)

Tổng số, trong đó:

- Viên chức:..... (GD-ĐT; Y tế; khác:
- HĐLĐ trong chỉ tiêu biên chế:.....
- HĐLĐ ngoài chỉ tiêu biên chế:..... (thuộc ĐVSN nào...)
- Số lượng đăng ký tuyển dụng năm 2021 (Thống kê số liệu thi vòng 2)

2.4. Dự kiến số lượng nghỉ hưu

- Số lượng nghỉ hưu đến thời điểm 31/12/2021:.....
- Số lượng nghỉ hưu đến thời điểm 31/12/2022:

3. Đánh giá chung về tổ chức bộ máy, biên chế

3.1. Ưu điểm

3.2. Hạn chế và nguyên nhân